

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhạc

Ông Trương Vĩnh Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông báo số 12/TB-TA ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1994

Địa chỉ cư trú: khu phố PH, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT, Việt Nam.

- Bị đơn: Ông Ngô Lê H1 (Ngo Le H1), sinh năm 1990; Quốc tịch: Canada.

Địa chỉ cư trú: số 3..., V St, V B.C, V5K 2S5, Canada.

Bà Phạm Thị Thanh H và ông Ngô Lê H1 (Ngo Le H1) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Ngô Lê H1 ủy quyền cho bà Phạm Thị Thanh H nhận các văn bản tố tụng trong vụ án (Theo văn bản ủy quyền được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vancouver - Canada chứng thực ngày 13/10/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn – bà Phạm Thị Thanh H trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Lê H1 sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh BT vào ngày 20/6/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng tổ chức lễ cưới và về sống chung tại xã HP, huyện TP (nay là thị trấn PRC, huyện TP). Quá trình sống chung, do tính tình hai bên không hợp, nên phát sinh nhiều mâu thuẫn trong các vấn đề sinh hoạt hàng ngày. Đến cuối năm 2016 thì ông Ngô Lê H1 về Canada sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, xét thấy mối quan hệ vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Lê H1.

2. Về con chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vancouver - Canada chứng thực ngày 23/7/2020, bị đơn – ông Ngô Lê H1 trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Thanh H sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh BT vào ngày 20/6/2016. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng cùng tổ chức lễ cưới và sống chung tại xã HP, huyện TP (nay là thị trấn PRC, huyện TP). Quá trình chung sống, ông và bà Phạm Thị Thanh H thường phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không thống nhất được với nhau về các vấn đề sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Do mâu thuẫn nên từ cuối năm 2016, ông bỏ về Canada sinh sống đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để vợ chồng chung sống hạnh phúc được, nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết như ý kiến của bà H,

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:*

1. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Các đương sự: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Ngô Lê H1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh H đối với ông Ngô Lê H1.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Thanh H và ông Ngô Lê H1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Ngô Lê H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TP vào ngày 20/6/2016. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo các bên đương sự là do vợ chồng tính tình không hợp, không thống nhất được với nhau về các vấn đề sinh hoạt hàng ngày trong gia đình và đến cuối năm 2016 thì ông Ngô Lê H1 về lại Canada sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay bà Phạm Thị Thanh H yêu cầu ly hôn, ông Ngô Lê H1 đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể hàn gắn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh H như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Ngô Lê H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238; điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh H đối với ông Ngô Lê H1 (Ngo Le H1).

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008913 ngày 14/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Phạm Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND huyện Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái